



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

Dự thảo
Draft

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

REGULATION ON INFORMATION DISCLOSURE

CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

**(đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ thông qua ngày tháng năm
2024)**

***(ratified by General Shareholders' Meeting of Century Synthetic Fiber Corporation on March 28,
2024)***

TP HCM, Ngày tháng năm 2024
Ho Chi Minh city, March 28, 2024

Mục lục Table of Contents

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa/ Article 1: Objectives	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng/Article:2 Scope of regulation and applicable subjects	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ/ Article 3. Explanation of terms	4
Điều 4. Nguyên tắc CBTT/ Article 4. Principles of information disclosure	5
Điều 5. Người thực hiện CBTT/ Article 5. Person carrying out information disclosure	7
Điều 6. Phương tiện CBTT/ Article 6. Means of information disclosure	7
Điều 7. CBTT định kỳ/ Article 7. Periodic information disclosure	8
Điều 8. CBTT bất thường/ Article 8. Extraordinary information disclosure	10
Điều 9. CBTT Theo yêu cầu/ Article 9. Information disclosure Upon request	15
Điều 10. CBTT về các hoạt động khác/ Article 10. Information disclosure about other activities	15
Điều 11. CBTT của các đối tượng khác/ Article 11. Information disclosure of other subjects	16
Điều 12. CBTT về giao dịch chào mua công khai/ Article 12. Information disclosure on public tender offer transactions	17
Điều 13. Tạm hoãn CBTT/ Postponement of Information Disclosure	17
Điều 14. Qui trình CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan thẩm quyền/ Article 14. Information disclosure process for shareholders, investors and competent authorities	18
Mô tả chi tiết các qui trình /Detailed description of the processes	Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

CHAPTER I: GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Article 1. Purpose and meaning

Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin (“CBTT”) của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (sau đây gọi là Công ty) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật cho các bộ phận liên quan trong Công ty, nhà đầu tư, các đối tượng có liên quan.

This regulation creates standards and procedures in the implementation of information disclosure of Century Synthetic Fiber Corporation (hereinafter referred to as the Company) to ensure synchronous, accurate and legally compliant implementation for relevant departments in the Company, investors, and related parties.

Quy chế này cũng nhằm nâng cao hiệu quả làm việc giữa Công ty và các nhà đầu tư, khai thác và phát triển các mối quan hệ này nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán.

This regulation also aims to improve working efficiency between the Company and investors, exploit and develop these relationships to best serve the Company's operations on the stock market.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Article 2. Scope of regulation and subjects of application

1. Phạm vi điều chỉnh

Governing scope:

Quy chế này qui định cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền, xác định công việc và trách nhiệm quyền hạn của bộ phận CBTT, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, liên quan đến hoạt động CBTT tại công ty.

This Regulation regulates the manner and order of disclosing information related to the Company's operations to shareholders, investors and competent authorities, determining the scope of work, rights and responsibilities of information disclosure department, specialized departments, and affiliated units related to information disclosure activities at the Company.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm: *Applicable entities:*

- a. Bộ phận CBTT; *Information disclosure department;*
- b. Người thực hiện CBTT; *The person in charge of information disclosure*
- c. Người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ; *Internal persons of the company and related persons of internal persons;*

- d. Trưởng các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc; *Head of specialized departments and affiliated units;*
- e. Cổ đông; *Shareholders;*
- f. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT theo qui định của pháp luật; *Investors subject to information disclosure pursuant to the provisions of law;*
- g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác. *Other relevant agencies, organizations and individuals.*

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Article 3. Explanation of terms

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT bao gồm: *Investors subject to information disclosure include:*
 - a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ; *Investors who are internal persons of the Company and related persons of internal persons;*
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan đến sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; *Major shareholders, groups of related people who own at least 5% of the Company's outstanding voting shares;*
 - c. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty; *Investors or groups of related investors purchasing shares to become major shareholders of the Company;*
 - d. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty; *Organizations and individuals making tender offers of the Company's shares.*
2. Người nội bộ của Công ty bao gồm: *Internal persons of the Company include:*
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Thành viên HĐQT; *Chairperson of the Board of Directors (“BOD”), BOD members;*
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát (“BKS”) và thành viên BKS; *Board of Supervisors (BOS) and BOS members;*
 - c. Tổng Giám Đốc; *General Director;*
 - d. Giám đốc Tài chính, Kế Toán Trưởng, *Chief Financial Officer, Chief Accountant;*
 - e. Người được ủy quyền CBTT, *Authorized person to disclose information;*
 - f. Người phụ trách quản trị công ty và các cá nhân được qui định trong Khoản 45 Điều 4 của Luật Chứng khoán *The person in charge of corporate governance and individuals specified in Clause 45, Article 4 of the Law on Securities.*

3. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: *Related persons are individuals or organizations that have relationships with each other in the following cases:*
- a. Công ty và người nội bộ của Công ty; *The Company and internal persons of the Company;*
 - b. Công ty và tổ chức cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết; *The Company and organizations, individuals owning more than 10% of voting shares;*
 - c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát. *An organization or individual that, in a relationship with another organization or individual, directly or indirectly controls or being controlled by that organization or individuals or being under the same control with that organization or individual.*
 - d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; *An individual and biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, father-in-law, mother-in-law, wife, husband, biological child, adopted child, daughter-in-law, son-in-law, biological brother, biological sister, brother-in-law, sister-in-law of that individual;*
 - e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; *Contractual relationship in which one organization or individual represents the other organization or individual.*
 - f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo qui định của Luật doanh nghiệp; *Other organizations and individuals are related persons pursuant to the provisions of the Law on Enterprises.*

Điều 4. Nguyên tắc CBTT

Article 4. Information disclosure principles

1. Bộ phận CBTT, người thực hiện CBTT tổ chức, thực hiện CBTT đầy đủ, chính xác, kịp thời theo qui định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán.
Information disclosure department, information disclosure person organizes and implements information disclosure fully, accurately and promptly in accordance with law on enterprises and securities.
2. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân (như Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn

điều lệ), thông tin chỉ được công bố nếu cá nhân đó đồng ý. Nếu cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) và Sở giao dịch chứng khoán (“SGDCK”) 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

In case the published information includes personal information (such as Citizen Identification Card, Identity Card, valid Passport, contact address, permanent address, phone number, fax number, email number, securities trading account number, securities depository account number, bank account number, transaction code of foreign investors, foreign-invested economic organizations owning more than 50% of the charter capital), information is only disclosed if that individual agrees. If that individual does not agree to disclose this information, he or she must send 02 copies of documents to the State Securities Commission (“SSC”) and the Stock Exchange (“SSD”), of which 01 copy includes all enough personal information and 01 copy excluding personal information for the State Securities Commission and the Stock Exchange to make information public.

3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

In case there is a change in the content of published information, the person in charge of information disclosure must promptly and fully disclose the content of the change and the reason for the change compared to previously published information.

4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

The organization's information disclosure must be performed by the legal representative or person authorized to disclose information. Information disclosure of individuals is done by the individual themselves or authorized by another organization or individual.

5. Ngôn ngữ chính thực hiện CBTT là tiếng Việt. Công ty khuyến khích việc CBTT bằng tiếng Anh đồng thời với tiếng Việt và ngôn ngữ tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

The main language for information disclosure is Vietnamese. The Company encourages information disclosure in both English and Vietnamese, and the English language is for reference only.

6. Các thông tin công bố theo qui định bắt buộc phải được lưu trữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, trên website của Công ty tối thiểu 05 năm đối với thông tin công bố bất thường.

Information disclosed pursuant to regulations must be stored and preserved at the Company in the form of documents and electronic data for at least 10 years for any periodic information disclosure, on the Company's website at least 05 years for unexpected disposition information.

Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ CBTT sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

In case the information disclosure obligation arises on a day off or holiday pursuant to the law, the implementation of the information disclosure obligation will take place on the working day right after the day off or holiday.

Điều 5. Người thực hiện CBTT

Article 5. Person in charge of information disclosure

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

The person disclosing information is a legal representative or an individual who is authorized to disclose information according to the provisions of this Regulation and relevant laws.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều Hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.

The legal representative must be responsible for the completeness, accuracy and promptness of information published by the authorized information disclosure person. In the event of information disclosure where both the legal representative and the person authorized to disclose information are absent, the member holding the highest position of the Board of Management is responsible for performing the information disclosure.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

The company must register and re-register the Person in charge of information disclosure to the State Securities Commission and the Stock Exchange at least 24 hours before the authorization takes effect.

Điều 6. Phương tiện CBTT

Article 6. Means of Information disclosure

1. Các phương tiện CBTT bao gồm: *Means of Information disclosure include:*
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty; *The Company's electronic information page (website);*
 - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN; *Information disclosure system of the State Securities Commission;*
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK; *Electronic information page (Portal) of the Stock Exchange;*

- d. Trang thông tin của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt nam; *Information page of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.*
2. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK
Information disclosure on the information disclosure system of the State Securities Commission and Stock Exchange's Portal is carried out according to the instructions of the State Securities Commission and the Stock Exchange.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CBTT

CHAPTER II: INFORMATION DISCLOSURE CONTENT

Điều 7. CBTT định kỳ

Article 7. Periodic information disclosure

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán năm, Công ty phải công bố đầy đủ báo cáo kiểm toán năm đã được kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Within 10 days from the date the auditing firm signs the audited annual financial statement, the Company must fully disclose the audited annual financial statement, but not exceeding 90 days from the end of the financial year.
2. Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
The company must prepare and publish an annual report no later than 20 days from the date of publication of the audited annual financial statement but not exceeding 110 days from the end of the fiscal year.
3. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét Công ty phải công bố báo cáo tài chính đã được soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
Within 05 days from the date the auditing organization signs the review report, the Company must disclose the reviewed financial statements but must not exceed 60 days from the end of the first 6 months of the fiscal year.
4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý. Trong trường hợp Công ty có báo cáo tài chính quý được soát xét, thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ

chức kiểm toán ký báo cáo soát xét quý, Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý được soát xét nhưng không được vượt quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Within 30 days from the end of the quarter, the Company must publish quarterly financial statements. In case the Company has audited quarterly financial statements, then within 05 days from the date the auditing organization signs the quarterly review report, the Company must disclose the reviewed quarterly financial statements but not must exceed 30 days from the end of the quarter.

Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty phải CBTT về tình hình quản trị chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Every 6 months and every year, the Company must disclose information about corporate governance no later than 30 days from the end of the first 6 months of the year and the end of the calendar year respectively.

Thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi là ĐHĐCĐ) thường niên.

Information about the annual General Meeting of Shareholders (hereinafter referred to as the General Meeting of Shareholders).

- a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGĐCK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

At least 21 days before the opening date of the General Meeting of Shareholders, the Company must announce on the website of the Company and the State Securities Commission and Stock Exchange about the General Meeting of Shareholders, clearly stating the link to all documents of the General Meeting of Shareholders, including: meeting invitation notice, meeting agenda, voting slips, documents used in the meeting and draft resolutions for each issue in the meeting agenda. Meeting documents of the General Meeting of Shareholders must be updated with amendments and supplements (if any);

- b. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp ĐHĐCĐ theo qui định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

In case the first General Meeting of Shareholders is not successful, the Company must announce the program and expected time of the next meeting, continue to maintain posting and allow shareholders to download meeting documents of the General Meeting of Shareholders pursuant to

the provisions in Point a of this Clause until the General Meeting of Shareholders is successfully organized. The time of holding the next meeting shall comply with the Law on Enterprises.

- c. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên phải được công bố trong thời hạn 24h kể từ khi ban hành.

Meeting minutes and resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders must be announced within 24 hours of issuance.

Điều 8. CBTT bất thường

Article 8. Extraordinary disclosure

1. CBTT bất thường trong thời hạn 24h, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

Disclose information extraordinarily within 24 hours since the occurrence of one of the following events:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

The Company's account at a bank or foreign bank branch is blocked at the request of a competent authority or when a payment service supplier detects signs of fraud or violation of law related to payment accounts; Accounts are allowed to operate again after being blocked in the cases specified in this point;

- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

When receiving a document from a competent state agency or when the Company makes a decision to temporarily suspend part or all of its business activities; change business registration content; revoke the Certificate of Business Registration; amend, supplement or suspend or revoke the Establishment and Operation License or Operation License;

- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

Approve the decision of the Extraordinary General Meeting of Shareholders. Published documents include: Resolution of the General Meeting of Shareholders, meeting minutes and documents accompanying the minutes, resolutions or vote counting records (in case of collecting shareholders' opinions in writing). In case the General Meeting of Shareholders approves the delisting, the Company must disclose information about the delisting along with the approval rate of shareholders who are not major shareholders;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

Decide to purchase the Company's shares or sell treasury shares; The date of exercise of the bond owner's right to purchase shares with the right to purchase shares or the date of conversion of convertible bonds into shares; decisions to offer securities abroad and decisions related to the offering and issuance of securities;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

Decide on dividend level, form of dividend payment, and time of dividend payment; decide to split or combine stocks;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

The decision on business reorganization, stock split, merger, change business type dissolution and bankruptcy of enterprises; change of tax code, change of Company name, change of Company seal; Change of Location; new establishment or closure of headquarters, branches, factories, representative offices; promulgate, amend and supplement the Charter; the Company's strategy, medium-term development plan, and annual business plan;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

The decision to change the accounting period and applicable accounting policies (except for changes in applicable accounting policies due to changes in legal regulations); Notify the

auditing firm that has signed a contract to audit the annual financial statements or change the auditing firm (after signing the contract); canceling the signed audit contract;

- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
The decision to contribute capital to establish, buy to increase ownership in a company, leading to that company becoming a subsidiary or affiliated company, or sell to reduce the ownership in a subsidiary or affiliated company, leading to that company no longer being a subsidiary or associate company or dissolving the subsidiary, associate company;
- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
The decision of the General Meeting of Shareholders or Board of Directors through contracts and transactions between the Company and internal persons, related persons of internal persons, or related persons of the Company;
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết
When there is a change in the number of shares with voting rights
- k. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
The change of the Company, new appointment, re-appointment, dismissing internal persons, receiving a resignation letter from internal persons (the Company needs to clearly state the effective date according to the provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter). At the same time, the Company has to send to the State Securities Commission of Vietnam and HOCHIMINH Stock Exchange an information sheet of new insiders according to the form specified in Appendix III issued with Circular 96/2020/TT-BTC;
- l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.
The decision to buy, sell assets, or carry out transactions with a transaction value greater than 15% of the Company's total assets based on the most recent year's audited consolidated financial statements or the most recent 6-month accountant-reviewed financial statements.
- m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

On receipting of the decision to prosecute the Company and its internal persons; temporary detention and criminal prosecution of internal persons of the Company;

- n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

On receipting of legally effective judgments and decisions of the Court related to the Company's operations; Decision to sanction violations of tax law;

- o. Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

The Company received notice from the Court of accepting the application to proceed with corporate bankruptcy procedures;

- p. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

In the case the Company becomes aware of an event or information that affects the stock price of its securities, the Company must confirm or correct that event or information;

- q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

When other events occur that have a significant impact on the Company's production, business, or governance situation;

- r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài

Approved or delisted on foreign stock exchanges

- s. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

The decision to increase or decrease charter capital;

- t. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

The decision to contribute investment capital to invest in an organization, a project, borrowing, lending, or other transactions with a value of 10% or more of the Company's total assets in the most recent audited consolidated financial statement or most recent semi-annual financial report reviewed (based on consolidated financial statements in the case, the public Company is the parent company);

- u. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)

The decision to contribute investment capital with a value of 50% or more of the charter capital of an organization (determined according to the charter capital of the organization receiving capital contribution before the time of capital contribution)

2. CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc thực hiện CBTT được thực hiện theo qui định của pháp luật liên quan
Disclosing information about extraordinary General Meeting of Shareholders or passing resolutions of the General Meeting of Shareholders in the form of collecting shareholders' opinions in writing. The implementation of information disclosure is carried out in accordance with relevant laws.

3. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trường hợp thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Disclosing information about the last registration date to exercise the rights of existing shareholders: at least 10 days before the expected last registration date, in case of exercising the rights of existing shareholders to attend the General Meeting of Shareholders, at least 20 days before the expected last registration date;

4. CBTT trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố: Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Disclosing information about the audit organization issues an audit opinion or review conclusion that is not an audit opinion or an unqualified review conclusion on the financial statements or financial statements with retrospective adjustments:

5. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác: sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty phải công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Disclosing information in other special cases: After changing the accounting period, the Company must publish financial statements for the period between the two accounting periods of the old fiscal year and the new fiscal year according to legal regulations on corporate accounting within 10 days from the date the auditing organization signs the audit report, but not later than 90 days from the start of the new fiscal year.

Điều 9. CBTT Theo yêu cầu.

Article 9. Information disclosure Upon request

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty, đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện CBTT khi xảy ra một trong những sự kiện sau:

Within 24 hours of receiving the request from the State Securities Commission or the Stock Exchange where the Company registers for trading when an event occurs, the Company must make information disclosure when one of the following events occurs:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; *The event seriously affects the legitimate interests of investors;*
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có); *Information related to the Company significantly affects stock prices, and it is necessary to confirm that information. 2. The content of information disclosed upon request must clearly state the event requested to be announced by the State Securities Commission or the Stock Exchange; the cause and the Company's assessment of the authenticity of that event, solutions (if any)*

Điều 10. CBTT về các hoạt động khác

Article 10. Information disclosure about other activities

1. CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn, thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán ra công chúng, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo qui định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

Disclosing information on the offering, issuance, listing, registration of transaction and the capital used reports, private placement, public securities offering, securities issuance, listing, register transactions to fulfill information disclosure obligations on public offering activities, issuance, listing, transaction registration, and capital use reports according to legal regulations on offering, issuance of securities, listing, Register for stock trading.

2. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở GDCK, Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam và hệ thống CBTT của UBCKNN theo qui định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Disclosing information about foreign ownership: Disclosure of information about the maximum foreign ownership of the Company and changes related to this ownership ratio on the company's website, the Stock Exchange, and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and information disclosure system

of the State Securities Commission according to securities laws guiding foreign investment activities on the Vietnamese stock market.

3. CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Disclosing information on transactions to buy back own shares and sell treasury shares.

Điều 11. CBTT của các đối tượng khác

Article 11. Information disclosure of other subjects

1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Disclosing information on stock ownership of major shareholders

Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDC và Công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Major shareholders of the Company, when there is a change in the number of shares owned over the threshold of 1% of voting shares, must disclose information and report to the State Securities Commission, the Stock Exchange and the Company within 05 working days, from the date of the above change according to the form specified in Appendix VIII issued with Circular 96/2020/TT-BTC.

2. CBTT về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

Information disclosure about transactions of internal persons of the Company and related persons of internal persons

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi cho UBCKNN, SGDC và Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDC (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

Internal persons of the Company and related persons of internal persons must disclose information and report before and after conducting stock transactions, stock purchase rights, convertible bonds, and convertible bond purchase rights to the State Securities Commission, The Stock Exchange and the Company, including cases of transfer not through the trading system at the Stock Exchange (such as transactions of giving or being given, giving or being gifted, inheriting, transferring or receiving transfer of securities and other cases other), specifically as follows:

- a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

At least 03 working days before the expected date of carrying out the transaction, internal persons and related persons must disclose information about the expected transaction according to the form specified in Appendix XIII or Appendix XIV issued with Circular 96./2020/TT-BTC;

- b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC

Within 05 working days from the date of completion of the transaction (in case the transaction ends before the registration deadline) or the end of the expected transaction period, internal persons and related to internal persons must disclose information about the transaction results and explain the reasons for not being able to carry out the transaction or not being able to carry out all the registered volume (if any) according to the form specified in Appendix XV or Appendix XVI issued with Circular 96/2020/TT- BTC.

3. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ.

The company must announce on its website within 03 working days after receiving the report related to the change in stock ownership ratio, stock purchase rights of significant shareholders, internal persons, and persons related to internal people.

Điều 12. CBTT về giao dịch chào mua công khai

Article 12. Information disclosure on public tender offer transactions

Thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành về chào mua công khai.

Comply with the current legal regulations on public tender offers.

Điều 13. Tạm hoãn CBTT

Article 13. Temporary postponement of information disclosure

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn) và phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT.

The company is allowed to temporarily postpone information disclosure in case of force majeure reasons (natural disasters, fires) and must report to the State Securities Commission and the Stock

Exchange about the temporary postpone of information disclosure as soon as the event occurs, clearly stating the reason for the postponement of information disclosure.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo qui định pháp luật.

The company is allowed to temporarily postpone information disclosure for force majeure reasons (natural disasters, fires). It must report to the State Securities Commission and the Stock Exchange about the temporary postponement of information disclosure as soon as the event occurs, clearly stating the reason for the postponement of information disclosure.

CHƯƠNG III: QUI TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CBTT

CHAPTER III: INFORMATION DISCLOSURE PROCESS AND RESPONSIBILITIES

Điều 14. Qui trình CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan thẩm quyền

Article 14. Information disclosure process for shareholders, investors and competent authorities

1. Hình thức thực hiện/ *Form of implementation:*

- a. Công ty cung cấp thông qua email; *The company delivers information via email;*
- b. Công ty cung cấp trong các buổi gặp mặt, trao đổi thông tin trực tiếp; *The company provides meetings and direct information exchange*
- c. Công ty cung cấp thông qua điện thoại liên lạc của Công ty; *The Company provides information through the Company's contact phone*
- d. Công ty cung cấp thông qua văn bản; *The Company provides information via text*

2. Phương thức thực hiện/ *Implementation methods:*

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện CBTT trả lời các thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện CBTT có thể tham khảo ý kiến cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng, các bộ phận có liên quan khác khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

When shareholders, investors, or competent authorities need information, the person performing the information disclosure responds with information on the list of information that must be disclosed. In case of questions or requests from shareholders, investors, or competent authorities that are not on the list of information that must be disclosed, the person performing the information disclosure can consult with the competent leadership, consulting units, authorities, and other relevant departments to promptly respond to shareholders, investors, and competent authorities.

3. Lưu đồ mô tả chi tiết các qui trình

Flow charts describe the processes in detail

- a. Qui trình CBTT định kỳ và nhiệm vụ của các bên có liên quan

Periodic information disclosure process and duties of relevant parties

Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Mô tả chi tiết công việc	Yêu cầu kết quả khi hoàn thành	Rủi ro
Bước 1	<pre> graph TD A[Thông báo thông tin công bố] --> B[Cung cấp thông tin định kỳ] B --> C{Xem xét nội dung} C --> D[Công bố thông tin định kỳ] D --> E{Kiểm tra kết quả} E --> F[Lưu trữ] </pre>	Bộ phận CBTT	Thông báo thông tin phải CBTT với bộ phận phụ trách trực tiếp	Bộ phận CBTT thông báo thời hạn cần CBTT đến bộ phận phụ trách trực tiếp để kịp thời chuẩn bị	Hiểu rõ các qui định về CBTT	Hiểu chưa đầy đủ các qui định về CBTT
Bước 2		Phụ trách bộ phận nghiệp vụ	Thực hiện các tài liệu, báo cáo định kỳ	Phụ trách bộ phận nghiệp vụ hoàn thành các tài liệu, báo cáo định kỳ và trình Tổng Giám đốc phê duyệt để chuyển Bộ phận CBTT	Lập báo cáo, tài liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời	Lập báo cáo, tài liệu không chính xác, đầy đủ, kịp thời
		Bộ phận CBTT	Xem xét nội dung các tài liệu báo cáo định kỳ	Bộ phận CBTT xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành CBTT	Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời	Nội dung các tài liệu, báo cáo không đầy đủ và kịp thời
		Người thực hiện CBTT	Thực hiện CBTT	Người thực hiện CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: Website công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT	CBTT đúng thời hạn đến UBCKNN, Sở GD&ĐT và website Công ty	Website Công ty, UBCKNN, Sở GD&ĐT chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT
		Bộ phận văn thư và các bộ phận có liên quan	Lưu trữ	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	Lưu trữ không đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định
Steps	Process	In-charge department	Task	Task description	Outcome requirements	Risks

<p><i>Step 1</i></p>	<p>Notice of information needed to be disclosed</p> <p>↓</p> <p>Regular information update/provision</p> <p>↓</p>	<p>Department in charge of Information disclosure</p>	<p>Notice the directly responsible department of information needed to be disclosed</p>	<p>The information disclosure department notifies the deadline for information disclosure to the directly responsible department for timely preparation</p>	<p>Clearly understand law and regulations on Information Disclosure</p>	<p>Not understand enough about law and regulations on Information Disclosure</p>
<p><i>Step 2</i></p>	<p>Review the information contents</p> <p>↓</p> <p>Periodical information disclosure</p> <p>↓</p>	<p>Specialised department's in-charge person</p>	<p>Prepare periodical documents and reports</p>	<p>Person of the specialised department complete periodic documents and reports and submit them to the Managing Director for approval to transfer to the Information Disclosure Department.</p>	<p>Finish the documents timely and sufficiently</p>	<p>Finish the documents untimely and insufficiently</p>
<p><i>Step 3</i></p>	<p>Check the results</p> <p>↓</p> <p>Archives</p>	<p>Department in charge of information disclosure</p>	<p>Review the contents of periodical documents and reports</p>	<p>The Information Disclosure Department reviews the content of periodical documents and reports before conducting information disclosure</p>	<p>Ensure that the contents of disclosed information are sufficient and timely</p>	<p>The contents of disclosed information are not sufficient and timely</p>
<p><i>Step 4</i></p>		<p>Person conducting information disclosure</p>	<p>Disclose information</p>	<p>The person conducting information disclosure conducts information disclosure</p>	<p>Disclose information on time to the State Securities Commission, the Stock</p>	<p>The Company's website, the State Securities Commission, and the</p>

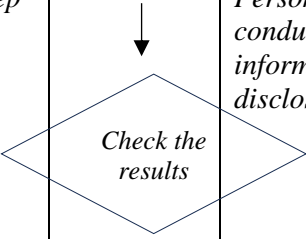
				<i>through channels: Company website, State Securities Commission, Stock Exchange</i>	<i>Exchange and the Company's website</i>	<i>Stock Exchange have not received or posted documents that need to be disclosed</i>
<i>Step 5</i>		<i>Administrative department and related departments</i>	<i>Archives</i>	<i>Store information disclosure content fully and timely according to regulations</i>	<i>Store information fully and timely according to regulations</i>	<i>Store information untimely and insufficiently</i>

b. CBTT bất thường
Extraordinary information disclosure

Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Mô tả chi tiết công việc	Yêu cầu kết quả khi hoàn thành	Rủi ro
Bước 1		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ / Cá nhân/tổ chức có liên quan	Liên hệ Bộ phận CBTT	Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ / Cá nhân/tổ chức có liên quan Liên hệ Bộ phận CBTT để biết rõ nội dung đó có cần CBTT không		
Bước 2		Phụ trách bộ phận nghiệp vụ	Thực hiện các tài liệu, báo cáo định kỳ	Phụ trách bộ phận nghiệp vụ hoàn thành các tài liệu, báo cáo định kỳ và trình Tổng Giám đốc phê duyệt để chuyển Bộ phận CBTT	Lập báo cáo, tài liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời	Lập báo cáo, tài liệu không chính xác, đầy đủ, kịp thời
		Bộ phận CBTT	Xem xét nội dung các tài	Bộ phận CBTT xem xét nội dung	Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo	Nội dung các tài liệu, báo cáo

	↓		liệu báo cáo định kỳ	các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành CBTT	đầy đủ và kịp thời	không đầy đủ và kịp thời
	Công bố thông tin bất thường	Người thực hiện CBTT	Thực hiện CBTT	Người thực hiện CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: Website công ty, UBCKNN, Sở GDCK	CBTT đúng thời hạn đến UBCKNN, Sở GDCK và website Công ty	Website công ty, UBCKNN, Sở GDCK chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT
	Lưu trữ	Bộ phận văn thư và các bộ phận có liên quan	Lưu trữ	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	Lưu trữ không đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định

Steps	Process	In-charge department	Task	Task description	Outcome requirements	Risks
Step 1	Extraordinary information disclosure ↓ Notice of extraordinary	Specialised department's leader/Related individual/organisations	Notice the directly responsible department of information needed to be disclosed	Specialised department leaders /Related individuals/organizations contact the Information Disclosure Department to know clearly whether the content needs to be disclosed.		
Step 2	Review the information contents ↓ Extraordinary information disclosure	Specialised department's in-charge person	Prepare periodical documents and reports	Person of the specialised department complete periodic documents and reports and submit them to the Managing Director for approval to transfer to the Information Disclosure Department.	Finish the documents timely and sufficiently	Finish the documents untimely and insufficiently
Step 3		Department in charge of information disclosure	Review the contents of periodical documents and reports	The Information Disclosure Department reviews the content of documents and reports periodically before conducting information disclosure	Ensure that the contents of disclosed information are sufficient and timely	The contents of disclosed information are not sufficient and timely

Step 4		Person conducting information disclosure	Disclose information	The person conducting information disclosure conducts information disclosure through channels: Company website, State Securities Commission, Stock Exchange	Disclose information on time to the State Securities Commission, the Stock Exchange and the Company's website	The Company's website, the State Securities Commission, and the Stock Exchange have not received or posted documents that need to be disclosed
Step 5		Administrative department and related departments	Archives	Store information disclosure content fully and timely according to regulations	Store information fully and timely according to regulations	Store information untimely and insufficiently

Điều 15. Điều khoản thi hành

Article 15. Implementation provisions

Tất cả các cá nhân không được công bố bất kỳ thông tin nào và dưới bất kỳ hình thức nào nhân danh Công ty nếu không có sự ủy quyền của Tổng Giám đốc, ngoại trừ các trường hợp phải tự công bố theo quy định bắt buộc của pháp luật.

All individuals are prohibited from publishing any information and in any form on behalf of the Company without the authorization of the General Director, except in cases where it is required announced according to mandatory provisions of law.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm chính sách này sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật, xử phạt theo nội quy của Công ty và có thể bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật. Nếu sự vi phạm dẫn đến việc Công ty bị thiệt hại thì cá nhân vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Depending on the nature and severity of violations of this policy, disciplinary action and penalties will be considered Company regulations and may be handled according to other provisions of law. If the violation leads. If the Company suffers damage, the violator must compensate according to the provisions of law.

Quy chế CBTT được này phổ biến đến (i) Đối tượng phụ trách CBTT, (ii) Người cung cấp thông tin, và (iii) tất cả các nhân viên thuộc các phòng ban/đơn vị trong toàn Công ty.

This Information Disclosure Regulation is disseminated to (i) Subjects in charge of information disclosure, (ii) Information providers, and (iii) all employees of departments/units throughout the Company.